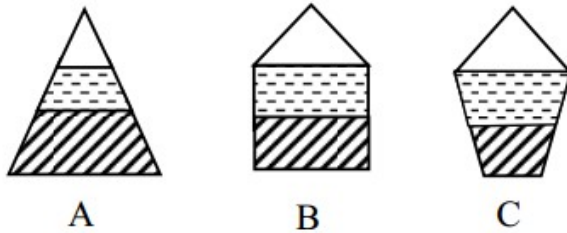


(Đề thi gồm có 04 trang)

Mã đề thi 134

Họ, tên học sinh:..... lớp:

Câu 1: Tháp tuổi của 3 quần thể sinh vật với trạng thái phát triển khác nhau như sau:



Quy ước:

A: Tháp tuổi của quần thể 1

B: Tháp tuổi của quần thể 2

C: Tháp tuổi của quần thể 3

▨ Nhóm tuổi trước sinh sản

▤ Nhóm tuổi đang sinh sản

□ Nhóm tuổi sau sinh sản

Quan sát 3 tháp tuổi trên có thể biết được

A. quần thể 2 đang phát triển, quần thể 1 ổn định, quần thể 3 suy giảm (suy thoái).

B. quần thể 1 đang phát triển, quần thể 3 ổn định, quần thể 2 suy giảm (suy thoái).

C. quần thể 3 đang phát triển, quần thể 2 ổn định, quần thể 1 suy giảm (suy thoái).

D. quần thể 1 đang phát triển, quần thể 2 ổn định, quần thể 3 suy giảm (suy thoái).

Câu 2: Khi nói về thành phần hữu sinh của hệ sinh thái, phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Thực vật là nhóm sinh vật duy nhất có khả năng tổng hợp chất hữu cơ từ chất vô cơ.

B. Sinh vật tiêu thụ gồm các động vật ăn thực vật, động vật ăn động vật và các vi khuẩn.

C. Nấm là một nhóm sinh vật có khả năng phân giải các chất hữu cơ thành các chất vô cơ.

D. Tất cả các loài vi khuẩn đều là sinh vật phân giải, chúng có vai trò phân giải các chất hữu cơ thành các chất vô cơ.

Câu 3: Cho các dạng biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật sau:

(1) Ở miền Bắc Việt Nam, số lượng bò sát giảm mạnh vào những năm có mùa đông giá rét, nhiệt độ xuống dưới 8°C.

(2) Ở Việt Nam, vào mùa xuân và mùa hè có khí hậu ẩm áp, sâu hại xuất hiện nhiều.

(3) Số lượng cây tràm ở rừng U Minh Thượng giảm mạnh sau sự cố cháy rừng tháng 3 năm 2002.

(4) Hàng năm, chim cu gáy thường xuất hiện nhiều vào mùa thu hoạch lúa, ngô.

Những dạng biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật theo chu kì là

A. (2) và (3).

B. (1) và (4).

C. (1) và (3).

D. (2) và (4).

Câu 4: Trong quần xã sinh vật, kiểu phân bố cá thể theo chiều thẳng đứng có xu hướng

A. làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các loài, giảm khả năng sử dụng nguồn sống.

B. làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các loài, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn sống.

C. làm tăng mức độ cạnh tranh giữa các loài, giảm hiệu quả sử dụng nguồn sống.

D. làm tăng mức độ cạnh tranh giữa các loài, tăng hiệu quả sử dụng nguồn sống.

Câu 5: Hệ sinh thái nào sau đây đặc trưng cho vùng nhiệt đới?

A. Đồng rêu.

B. Thảo nguyên.

C. Rừng Địa Trung Hải.

D. Hoang mạc.

Câu 6: Đặc trưng nào sau đây không phải là đặc trưng của quần thể giao phối?

- A. Độ đa dạng về loài.
- B. Tỷ lệ giới tính.
- C. Mật độ cá thể.
- D. Tỷ lệ các nhóm tuổi.

Câu 7: Mối quan hệ giữa hai loài nào sau đây thuộc về quan hệ cộng sinh?

- A. Giun đũa và lợn.
- B. Nấm và vi khuẩn lam tạo thành địa y.
- C. Tầm gửi và cây thân gỗ.
- D. Cỏ dại và lúa.

Câu 8: Thời gian sống có thể đạt tới của một cá thể được gọi là

- A. tuổi sinh thái.
- B. tuổi quần thể.
- C. tuổi sinh sản.
- D. tuổi sinh lí.

Câu 9: Hiện tượng khống chế sinh học trong quần xã dẫn đến

- A. sự tiêu diệt của một loài nào đó trong quần xã.
- B. sự phát triển của một loài nào đó trong quần xã.
- C. trạng thái cân bằng sinh học trong quần xã.
- D. làm giảm độ đa dạng sinh học của quần xã.

Câu 10: Để xác định mật độ của một quần thể, người ta cần biết số lượng cá thể trong quần thể và

- A. tỉ lệ sinh sản và tỉ lệ tử vong của quần thể.
- B. kiểu phân bố của các cá thể trong quần thể.
- C. diện tích hoặc thể tích khu vực phân bố của chúng.
- D. các yếu tố giới hạn sự tăng trưởng của quần thể.

Câu 11: Khi nói về chuỗi và lưới thức ăn, phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Tất cả các chuỗi thức ăn đều được bắt đầu từ sinh vật sản xuất.
- B. Trong một lưới thức ăn, mỗi bậc dinh dưỡng chỉ có một loài.
- C. Khi thành phần loài trong quần xã thay đổi thì cấu trúc lưới thức ăn cũng bị thay đổi.
- D. Trong một quần xã, mỗi loài sinh vật chỉ tham gia vào một chuỗi thức ăn.

Câu 12: Mối quan hệ giữa hai loài sinh vật, trong đó một loài có lợi còn loài kia không có lợi cũng không bị hại thuộc về

- A. quan hệ hội sinh.
- B. quan hệ kí sinh.
- C. quan hệ cộng sinh.
- D. quan hệ cạnh tranh.

Câu 13: Cho các thông tin về diễn thế sinh thái như sau:

(1) Xuất hiện ở môi trường đã có một quần xã sinh vật từng sống.

(2) Có sự biến đổi tuần tự của quần xã qua các giai đoạn tương ứng với sự biến đổi của môi trường.

(3) Song song với quá trình biến đổi quần xã trong diễn thế là quá trình biến đổi về các điều kiện tự nhiên của môi trường.

(4) Luôn dẫn tới quần xã bị suy thoái.

Các thông tin phản ánh sự giống nhau giữa diễn thế nguyên sinh và diễn thế thứ sinh là

- A. (3) và (4).
- B. (2) và (3).
- C. (1) và (2).
- D. (1) và (4).

Câu 14: Cho các ví dụ sau:

(1) Sán lá gan sống trong gan bò. (2) Ong hút mật hoa.

(3) Tảo giáp nở hoa gây độc cho cá, tôm. (4) Trùng roi sống trong ruột mối.

Những ví dụ phản ánh mối quan hệ hỗ trợ giữa các loài trong quần xã là:

- A. (2), (4).
- B. (1), (3).
- C. (2), (3).
- D. (1), (4).

Câu 15: Trạng thái cân bằng của quần thể là trạng thái số lượng cá thể ổn định do

- A. các cá thể trong quần thể luôn cạnh tranh với nhau.
- B. các cá thể trong quần thể luôn hỗ trợ lẫn nhau.
- C. sự thống nhất mối tương quan giữa tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử.
- D. sức sinh sản tăng, sự tử vong giảm.

Câu 16: Trong trường hợp không có nhập cư và xuất cư, kích thước của quần thể sinh vật sẽ tăng lên khi

- A. mức độ sinh sản tăng, mức độ tử vong giảm.
- B. mức độ sinh sản giảm, sự cạnh tranh tăng.
- C. mức độ sinh sản không thay đổi, mức độ tử vong tăng.
- D. mức độ sinh sản giảm, mức độ tử vong tăng.

Câu 17: Giả sử một lưới thức ăn đơn giản gồm các sinh vật được mô tả như sau: cào cào, thỏ và nai ăn thực vật; chim sâu ăn cào cào; báo ăn thỏ và nai; mèo rừng ăn thỏ và chim sâu. Trong lưới thức ăn này, các sinh vật cùng thuộc bậc dinh dưỡng cấp 2 là :

- A. cào cào, thỏ, nai.
- B. chim sâu, mèo rừng, báo.
- C. chim sâu, thỏ, mèo rừng.
- D. cào cào, chim sâu, báo.

Câu 18: Trong các kiểu phân bố cá thể của quần thể sinh vật, kiểu phân bố phổ biến nhất là

- A. phân bố ngẫu nhiên.
- B. phân bố đồng đều.
- C. phân bố theo nhóm.
- D. phân bố theo chiều thẳng đứng.

Câu 19: Trong hệ sinh thái trên cạn, thực vật hấp thụ nitơ qua hệ rễ dưới dạng

- A. NO và NH_4^+ .
- B. NO_3^- và NH_4^+ .
- C. NO_3^- và N_2 .
- D. N_2O và NO_3^- .

Câu 20: Quần thể sinh vật tăng trưởng theo tiềm năng sinh học trong điều kiện nào sau đây?

- A. Nguồn sống trong môi trường không hoàn toàn thuận lợi, hạn chế về khả năng sinh sản của loài.
- B. Nguồn sống trong môi trường rất dồi dào, hoàn toàn thỏa mãn nhu cầu của các cá thể.
- C. Nguồn sống trong môi trường không hoàn toàn thuận lợi, gây nên sự xuất cư theo mùa.
- D. Không gian cư trú của quần thể bị giới hạn, gây nên sự biến động số lượng cá thể.

Câu 21: Khi kích thước của quần thể giảm xuống dưới mức tối thiểu thì

- A. trong quần thể có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể.
- B. quần thể dễ rơi vào trạng thái suy giảm dẫn đến diệt vong.
- C. khả năng sinh sản của quần thể tăng do cơ hội gặp nhau giữa các cá thể đực với cá thể cái nhiều hơn.
- D. sự hỗ trợ giữa các cá thể tăng, quần thể có khả năng chống chọi tốt với những thay đổi của môi trường.

Câu 22: Mỗi quan hệ vật kí sinh - vật chủ và mối quan hệ vật ăn thịt - con mồi giống nhau ở đặc điểm nào sau đây?

- A. Đều là mối quan hệ đối kháng giữa hai loài.
- B. Loài bị hại luôn có số lượng cá thể nhiều hơn loài có lợi.
- C. Loài bị hại luôn có kích thước cá thể nhỏ hơn loài có lợi.
- D. Đều làm chết các cá thể của loài bị hại.

Câu 23: Cho các nhóm sinh vật trong một hệ sinh thái:

(1) Thực vật nổi. (2) Động vật nổi. (3) Giun đất. (4) Cỏ. (5) Cá ăn thịt.

Các nhóm sinh vật thuộc bậc dinh dưỡng cấp 1 của hệ sinh thái trên là

- A. (2) và (5).
- B. (2) và (3).
- C. (1) và (4).
- D. (3) và (4).

Câu 24: Khi nói về mật độ cá thể của quần thể, phát biểu nào sau đây không đúng?

- A. Mật độ cá thể có ảnh hưởng tới mức độ sử dụng nguồn sống trong môi trường.
- B. Khi mật độ cá thể của quần thể giảm, thức ăn dồi dào thì sự cạnh tranh giữa các cá thể cùng loài giảm.
- C. Khi mật độ cá thể của quần thể tăng quá cao, các cá thể cạnh tranh nhau gay gắt.
- D. Mật độ cá thể của quần thể luôn cố định, không thay đổi theo thời gian và điều kiện sống của môi trường.

Câu 25: Cho chuỗi thức ăn: Cây ngô →Sâu ăn lá ngô →Nhái →Rắn hổ mang →Diều hâu. Trong chuỗi thức ăn này, nhái là động vật tiêu thụ

- A. bậc 2. B. bậc 3. C. bậc 4. D. bậc 1.

Câu 26: Cho các quần xã sinh vật sau:

- (1) Rừng thưa cây gỗ nhỏ ưa sáng. (2) Cây bụi và cây cỏ chiếm ưu thế.
(3) Cây gỗ nhỏ và cây bụi. (4) Rừng lim nguyên sinh. (5) Trảng cỏ.

Sơ đồ đúng về quá trình diễn thế thứ sinh dẫn đến quần xã bị suy thoái tại rừng lim Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn là

- A. (2) →(3) →(1) →(5) →(4). B. (4) →(1) →(3) →(2) →(5).
C. (4) →(5) →(1) →(3) →(2). D. (5) →(3) →(1) →(2) →(4).

Câu 27: Trong các quần xã sinh vật sau đây, quần xã nào có mức đa dạng sinh học cao nhất?

- A. Savan. B. Thảo nguyên.
C. Rừng mưa nhiệt đới. D. Hoang mạc.

Câu 28: Trong quần xã sinh vật, loài có tần suất xuất hiện và độ phong phú cao, sinh khối lớn, quyết định chiều hướng phát triển của quần xã là

- A. loài chủ chốt. B. loài ưu thế. C. loài đặc trưng. D. loài ngẫu nhiên.

Câu 29: Quan hệ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể sinh vật

- A. xuất hiện khi mật độ cá thể của quần thể xuống quá thấp.
B. chỉ xảy ra ở các quần thể động vật, không xảy ra ở các quần thể thực vật.
C. thường làm cho quần thể suy thoái dẫn đến diệt vong.
D. đảm bảo cho số lượng và sự phân bố các cá thể trong quần thể duy trì ở mức độ phù hợp với sức chứa của môi trường.

Câu 30: Trong nghề nuôi cá để thu được năng suất cá tối đa trên một đơn vị diện tích mặt nước thì điều nào dưới đây là cần làm hơn cả ?

- A. Nuôi nhiều loài cá thuộc cùng một chuỗi thức ăn
B. Nuôi nhiều loài cá với mật độ càng cao càng tốt.
C. Nuôi một loài cá thích hợp với mật độ cao và cho dư thừa thức ăn.
D. Nuôi nhiều loài cá sống ở các tầng nước khác nhau.

----- HẾT -----